

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/06/2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thúy

Ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Lan Phương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2025/QDST-HNGĐ ngày 06/06/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lê P - Sinh năm: 1984 - Địa chỉ: 6 Đ, phường T quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Thái Văn H - Sinh năm: 1971 - Địa chỉ: 327/8 N, tổ D, phường A quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê P trình:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê P và ông Thái Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2009 tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. HNGĐ trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà ba mẹ ông H đến cuối năm 2016, vợ chồng thuê nhà ở riêng, sau chuyển về nhà ba mẹ bà P sinh sống. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, bà P không còn yêu thương gì ông H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Văn H.

* Về con chung: Ly hôn bà Lê P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung tên Thái Nhã L - Sinh ngày: 13/06/2009, Thái Khánh L1 - Sinh ngày: 18/12/2016, Thái Thiên T - Sinh ngày: 06/01/2019 và Thái Bảo L2 - Sinh ngày: 10/10/2020. Yêu cầu ông Thái Văn H cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng là 1.000.000đ tổng cộng số tiền là 4.000.000đ/tháng/4 con (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Bà Lê P xác định bà và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Bà Lê P xác định bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Thái Văn H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn.

Theo ông H vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, vào khoảng trưa trong tháng 3 năm 2025 ông có lấy thức ăn để chuẩn bị cơm trưa cho gia đình thì bà P về đến nhà liền nói ông và các con tự xử tự mua đồ ăn trưa, trong khi đồ ăn ông chuẩn bị xong. Bà P bảo bà đi ăn và đi chơi với bạn, trong thời gian chờ bạn trai của một bạn gái trong nhóm đến chờ đi. Theo ông H trong thời gian chờ đợi tại sao bà P không chuẩn bị nấu cơm cho chồng và con rồi mới đi chơi, do vậy, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trong khi vợ chồng cãi nhau thì ba của bà P đã không khuyên can còn nói vợ chồng không sống được với nhau thì li dị, đừng cãi vã ồn ào nhà cửa. Trong khi vợ chồng cãi nhau thì ba của bà P đuổi ông H ra khỏi nhà, ông H không có chỗ ở nên xuống chỗ bãi xe sinh sống. Hiện nay bà P làm đơn đề nghị giải quyết cho ly hôn với ông H nhưng ông H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau cùng nhau nuôi dạy con cái.

* Về quan hệ con chung: Ông Thái Văn H xác định ông và bà H có bốn con chung tên Thái Nhã L - Sinh ngày: 13/06/2009, Thái Khánh L1 - Sinh ngày: 18/12/2016, Thái Thiên T1 - Sinh ngày: 06/01/2019 và Thái Bảo L2 - Sinh ngày: 10/10/2020.

Vì ông H muốn đoàn tụ gia đình nên vấn đề con chung không yêu cầu giải quyết.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà P ly hôn với ông H thì ông H thống nhất giao 04 con chung cho bà P trực tiếp dưỡng nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi thành niên, ông H cấp dưỡng nuôi 04 con là 4.000.000đ/tháng/04 con, kể từ tháng 07 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, tuy nhiên trên thực nếu ông làm có thu nhập cao hơn thì ông sẽ chu cấp cao hơn.

* Về tài sản chung: Ông H xác định không có.

* Về nợ chung: Ông H xác định không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:

* Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về thẩm quyền: Vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/03/2025 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao 04 con chung cho bà P nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi thành niên, ông H cấp dưỡng nuôi 04 con là 4.000.000đ/tháng/04 con, kể từ tháng 07 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi .

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê P xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê P khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với bị đơn là ông Thái Văn H - Sinh năm: 1971 - Địa chỉ: 327/8 N, tổ D, phường A quận T, thành phố Đà Nẵng, ông H cho rằng hiện ông sống tại 66/2 Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Qua xác minh tại địa phương phường T, quận H thể hiện trước đây ông H có sinh sống tại địa chỉ trên nhưng không khai báo tạm trú, hiện nay ông H không còn sinh sống tại 66/2 Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo biên bản xác minh tại phường A, quận T thể hiện ông Thái Văn H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 372/8 N, tổ D, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, ông H hiện đang sinh sống tại nhà cha mẹ của ông H. Tại giấy khai sinh năm 2009 không thể hiện nơi cư trú của ông H, giấy khai sinh năm 2019 thể hiện ông H sinh sống tại 66/2 Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, tại giấy khai sinh năm 2017 và năm 2020 thể hiện ông H tại tổ H phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng

Do vậy, vụ án dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/03/2025 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung của bà Lê P đối với ông Thái Văn H HĐXX thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê P và ông Thái Văn H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/02/2009 tại UBND phường Tquận H, thành phố Đà Nẵng. HNGĐ trên cơ sở tự nguyện. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà ba mẹ ông H rồi chuyển sang sống tại nhà ba mẹ bà P, trong quá trình chung sống vợ chồng tại nhà ba mẹ bà P có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ tính tình vợ chồng không hợp về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, gây ồn ào mất trật tự tại địa phương, phải mời Công an phường T đến giải quyết, vợ chồng bà P và ông H đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đó làm, thực tế đời sống hôn nhân không tồn tại.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...". Theo đó, việc sống chung với nhau vừa là quyền, cũng là nghĩa vụ giữa vợ chồng, hiện nay bà P và ông H không còn chung sống cùng nhau, trong quá trình hòa giải tại Tòa án ông H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà P và ông H không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm gì đến nhau, vợ chồng chưa lần nào cùng nhau ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn, chỉ trao đổi qua tin nhắn, nhưng nội dung tin nhắn thể hiện mâu thuẫn quá trầm trọng, chứng tỏ bà P và ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, nếu cuộc hôn nhân của bà P là ông H tiếp tục thì vợ chồng sống cũng không hạnh phúc. Do đó, xét yêu cầu của bà Lê P xin được ly hôn với ông Thái Văn H là chính đáng và có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Lê P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung tên Thái Nhã L – Sinh ngày: 13/06/2009, Thái Khánh L1 – Sinh ngày: 18/12/2016, Thái Thiên T1 – Sinh ngày: 06/01/2009 và Thái Bảo L2 – Sinh ngày: 10/10/2020. Yêu cầu ông Thái Văn H cấp dưỡng cuối mỗi con một tháng là 1.000.000đ tổng cộng số sản là 4.000.000đ/4 con (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đã 18 tuổi.

Ông Thái Văn H không đồng ý ly hôn nhưng trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà P ly hôn với ông thì ông thống nhất giao 4 con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng là 1.000.000đ tổng cộng số tiền là 4.000.000đ/tháng/4 con (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2015 cho đến khi các con chung lần lượt đi tuổi

HĐXX thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của con chung, hiện nay các con chung đang sống với bà P công việc của ông H thường xuyên vắng nhà, hơn nữa trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà P ly hôn với ông H thì ông H đồng ý giao các con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Do vậy, HĐXX xét thấy việc giao 04 con chung tên Thái Nhà L4 – Sinh ngày: 13/06/2009, Thái Khánh L1 – Sinh ngày: 18/12/2016, Thái Thiên T1 - Sinh ngày: 06/01/2019 và Thái Bảo L2 – Sinh ngày: 10/10/2020 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Thái Văn H cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng là 1.000.000đ tổng cộng số tiền là 4.000.000đ/tháng/4 con (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê P xác định bà và ông Thái Văn H không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lê P xác định bà và ông Thái Văn H có nợ chung không đề cập đến.

[2.5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì nguyên đơn bà Lê P và ông Thái Văn H phải chịu án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xú: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê P đối với bị đơn ông Thái Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê P được ly hôn với ông Thái Văn H.

2. Về con chung: Giao 04 con chung tên Thái Nhà L3 – Sinh ngày 13/06/2009, Thái Khánh L1 – Sinh ngày: 18/12/2016, Thái Thiên T1 – Sinh ngày: 06/01/2019 và Thái Bảo L2 – Sinh ngày: 10/10/2020 cho bà Lê P trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến tuổi thành niên.

Ông Thái Văn H cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng là 1.000.000đ tổng cộng số tiền là 4.000.000đ/tháng/4 con (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê P xác định bà và ông Thái Văn H không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê P phải chịu là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006288 ngày 25/03/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng ông Thái Văn H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba